TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG.**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/HNGĐ - ST
Ngày: *13-06-2017*
V/v Tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông PHẠM HẢI DUY**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông TRẦN VĂN HÀI
2. Ông BÙI VĂN MÀU
- Thư ký phiên tòa: **Ông LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: (không có)

Ngày 13 tháng 06 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị BÙI THỊ LỆ H**, sinh năm 1985.
Địa chỉ HKTT: ấp 02, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
Địa chỉ tạm trú: tổ 04, ấp 03, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Anh NGUYỄN VĂN K**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp 02, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Bùi Thị Lệ H có mặt và anh Nguyễn Văn K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 15/3/2017 nguyên đơn là chị Bùi Thị Lệ H trình bày:

Do quen biết nên chị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Nguyễn Văn K thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện đánh đập, ngược đãi hành hạ chị H. Do cuộc sống không hạnh phúc nên đến năm 2015, chị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Về con chung có 01 đứa tên là: Nguyễn Ngọc Xuân M, sinh ngày 31/01/2003 hiện đang sống cùng với chị H.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Xuân M, sinh ngày 31/01/2013

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn K vắng mặt:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn K vắng mặt. Xét thấy, bị đơn là anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời bị đơn không có yêu cầu phản tố cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do bị đơn thường xuyên nhậu nhẹt, về kiếm chuyện đánh đập hành hạ, ngược đãi nguyên đơn, đồng thời cung cấp chứng cứ là Đơn xin xác nhận ngày 24/4/2017 do Công an xã Mỹ Tân xác nhận có nội dung như sau ….." Đương sự Nguyễn Văn K, sinh năm 1985 có hành vi ngược đãi, đánh đập vợ con, bạo lực gia đình, Công an xã đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính…" và các Biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với anh Nguyễn Văn K về việc có hành vi lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên gia đình.

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bị đơn. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, đã đủ cơ sở để xác định đời sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết .

[3] Về nuôi con chung: theo lời khai của nguyên đơn cũng như các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc Xuân M, sinh ngày 31/01/2013, hiện đang sinh sống cùng với nguyên đơn. Xét thấy, để tránh những xáo trộn trong đời sống, tâm sinh lý của con chung, mặt khác, do bị đơn có hành vi bạo lực gia đình sẽ gây ảnh hưởng đến việc phát triển bình thường của con chung, đồng thời hiện con chung đang do nguyên đơn nuôi dưỡng đã ổn định. Cho nên, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc Xuân M, sinh ngày 31/01/2013 của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn không có yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phải đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[6] Về án phí HNST: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí HNST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 của Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Lệ H và anh Nguyễn Văn K.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Xuân M, sinh ngày 31/01/2013 cho chị Bùi Thị Lệ H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn K khỏi phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Bùi Thị Lệ H khai không có tài sản chung và cũng không có nợ ai, không ai nợ lại đồng thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí HNST: Chị Bùi Thị Lệ H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ**,** chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 06552 ngày 15/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên không phải nộp tiếp.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan , tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính

đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát cùng cấp;*
- *Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;*
- *Chi cục THA dân sự cùng cấp;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHẠM HẢI DUY